

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

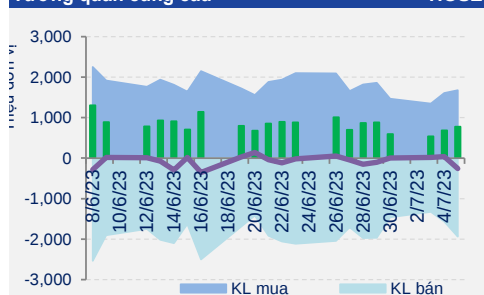
5/7/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

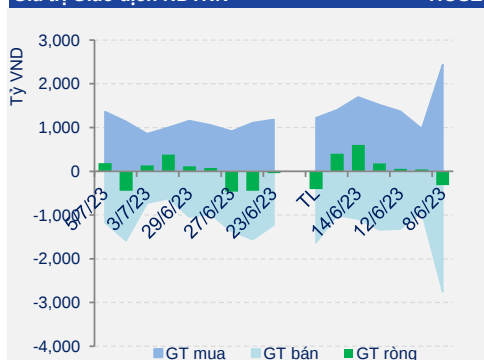
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,134.62	227.84
% Thay đổi	↑ 0.23%	↓ -0.40%
KLGD (CP)	776,372,855	99,744,144
GTGD (tỷ đồng)	17,172.92	1,553.24
Tổng cung (CP)	1,939,204,742	172,585,800
Tổng cầu (CP)	1,680,642,386	124,679,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	32,329,342	408,055
KL mua (CP)	36,468,470	362,700
GT mua (tỷ đồng)	1,362.54	7.24
GT bán (tỷ đồng)	1,175.94	8.78
GT ròng (tỷ đồng)	186.60	(1.54)

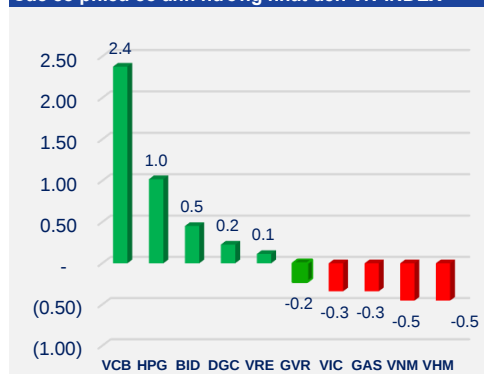
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX có phiên tăng điểm thứ 3 liên tiếp để kiểm tra lại vùng giá cao nhất 1.140 điểm ngày 28/06/2023. Kết thúc phiên giao dịch VN-INDEX đóng cửa tăng 2,62 điểm (+0,23%) lên mức 1.134,62 điểm với thanh khoản gia tăng. HNX-INDEX giảm 0,92 điểm (-0,40%), về mức 227,82 điểm. Độ rộng thị trường trên hai sàn niêm yết vẫn tích cực khi có tổng cộng 311 mã tăng giá (06 mã tăng trần), nhưng áp lực bán đã gia tăng mạnh hơn khi có 267 mã giảm giá (14 mã giảm sàn) và 146 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết gia tăng với 18.726,16 tỷ đồng, tăng 12,70% so với phiên trước, duy trì vượt mức trung bình sau phiên giảm khá mạnh đầu tuần. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trên HOSE với giá trị 186,60 tỷ đồng duy trì mua ròng nhóm thép, bán ròng nhẹ trên HNX với giá trị 1,54 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin kỳ vọng tích cực khi Chính phủ vẫn duy trì mục tiêu tăng trưởng 6%-6,5% trong năm nay và Thủ tướng nêu rõ chính sách tiền tệ linh hoạt hơn, mở rộng hơn được thể hiện chủ yếu thông qua: Tăng cung tiền (M2), tăng tín dụng, giảm mặt bằng lãi suất, nhất là lãi suất cho vay. Qua đó thị trường đầu phiên có diễn biến lạc quan, tăng điểm với độ rộng tích cực. Tuy nhiên áp lực bán gia tăng dần ở cuối phiên. Động lực tích cực đến từ nhóm thép với thanh khoản gia tăng tốt như HPG (+2,67%), VGS (+1,66%), TVN (+1,59%), NKG (+1,14%)...

Nhóm cổ phiếu bán lẻ tăng giá tốt từ đầu phiên với thanh khoản tăng khá mạnh như FRT (+3,02%), DGW (+2,25%), MSN (+0,26%)... Các cổ phiếu nhóm hóa chất, phân bón, nông nghiệp, thủy sản cũng có diễn biến tích cực, nhiều mã tăng giá tốt với thanh khoản tăng như DGC (+2,78%), CSV (+2,69%)...BFC (+5,28%), LAS (+1,77%), DPM (+0,71%)... DBC (+1,97%), QNS (+1,84%), IDI (+3,00%), VHC (+0,42%)....

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng phân hóa trái chiều với các mã tăng giá thanh khoản trên trung bình VCB (+2,00%), VIB (+1,27%), BID (+0,80%), LPB (+0,65%)... và đa số chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản dưới trung bình là OCB (-1,09%), SHB (-0,75%), NAB (-0,66%), HDB (-0,54%)...

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán có diễn biến đại diện cho thị trường khi đầu phiên tăng điểm tốt, sau đó chịu áp lực bán vào cuối phiên đa số giảm điểm sau phiên tăng điểm tốt hôm qua với APS (-9,52%), WSS (-2,70%), AGR (-2,33%), CTS (-1,98%)...

Các cổ phiếu trong nhóm bất động sản cũng có diễn biến tương tự, đa số chịu áp lực bán với thanh khoản ở mức trung bình như TDH (-5,47%), LGL (-3,06%), NHA (-2,07%), ITC (-1,95%), NTL (-1,63%)... ngoài các mã tăng giá như PDR (+2,06%), NLG (+1,97%), SCR (+0,38%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2307 tăng 1 điểm (+0,09%), thu hẹp mức chênh lệch còn -5,76 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 15,26% so với phiên trước, khối lượng mở OI tăng chiếm tỉ lệ khá lớn gần 45% khối lượng giao dịch cho thấy các vị thế nắm giữ gia tăng. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2308, VN30F2309, VN30F2312 chênh lệch từ -8,56 điểm đến -22,76 điểm so với VN30, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng và khối lượng mở OI kỳ hạn VN30F2307 tăng. Cho thấy các trader kém lạc quan hơn với VN30, giảm dần các vị thế đầu cơ ở kỳ hạn chính và gia tăng các vị thế phòng ngừa rủi ro ở kỳ hạn VN30F2308.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường tăng điểm phiên thứ 3 liên tiếp trong tuần và đang tiệm cận vùng đỉnh gần nhất của sóng hồi (quanh 1.140 điểm). Thanh khoản gia tăng và đà tăng của VN-Index thu hẹp lại về cuối phiên cho thấy áp lực bán tại vùng kháng cự là không nhỏ. Nếu vượt qua được vùng 1.140 điểm, VN-Index sẽ tiến tới ngưỡng kháng cự mạnh 1.150 điểm. Vùng hỗ trợ gần nhất của chỉ số là 1.120 điểm – 1.127 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên hôm nay đà tăng của thị trường vẫn được duy trì và đây là phiên thứ 3 liên tiếp VnIndex tăng điểm sau nhịp điều chỉnh tuần trước. Vn-Index tăng +2,62 điểm (+0,23%) và đóng cửa ở 1.134,62 điểm nhưng như chúng tôi đã dự báo áp lực bán đã gia tăng dần lên khi chỉ số tiến dần tới ngưỡng kháng cự 1.140 điểm.

Xu hướng ngắn hạn của thị trường vẫn là tích cực khi liên tục tích lũy, bùng nổ vượt cản thành công và điều chỉnh cho thấy đà hồi phục là mạnh. Chúng tôi vẫn kỳ vọng VnIndex sẽ tiếp tục tích cực trong thời gian tới để hướng tới khu vực kháng cự mới quanh 1.150 điểm.

Về góc nhìn Trung- Dài hạn thị trường đã tích lũy rất tốt trong 6 tháng trước đây để tạo ra một mô hình tích lũy hình nêm tin cậy, thời gian qua VnIndex đã bứt phá để thoát nền và tạo ra những mô hình hồi phục ngắn hạn tin cậy điều này tạo cơ sở cho khả năng trong trung hạn Vnindex còn có thể hình thành Uptrend. Với những giai đoạn phục hồi ngắn hạn liên tiếp, hiện tại Vnindex đang sắp tiếp cận vùng cản mạnh quanh 1.150 điểm, nếu VnIndex vượt qua ngưỡng cản này sẽ hình thành uptrend nhưng chúng tôi cho rằng thị trường sẽ cần nhiều thời gian hơn để tích lũy trước khi vượt cản mạnh, đồng thời để có thể hình thành uptrend cần thêm hỗ trợ từ các yếu tố vĩ mô tích cực. Với nền tảng hình thành sóng rất tốt trong thời gian qua (chúng tôi đã phân tích kỹ trong các bản tin trước đây) có thể kỳ vọng thị trường có cơ sở hình thành uptrend trung hạn.

Thị trường trong ngắn hạn vẫn sẽ có thể tiếp tục diễn biến rung lắc, điều chỉnh trong quá trình kiểm định lại các ngưỡng kháng cự. Nhà đầu tư ngắn hạn giai đoạn hiện tại không nên mua đuổi ở các phiên tăng nhưng có thể tận dụng các nhịp điều chỉnh về các vùng hỗ trợ để giải ngân với quan điểm thận trọng hơn. Với nhà đầu tư trung, dài hạn chúng tôi vẫn thường xuyên khuyến nghị giải ngân trong thời gian vừa qua (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy) nên nếu cơ cấu tốt thì hiện tại hoàn toàn có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

5/7/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
GVR	20.10	18-18.6	22-23	16	24.3	-15.5%	-47.9%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	13.50	12.5-13.2	15-15.5	12	16.9	33.6%	-79.2%	Theo dõi chờ giải ngân
ANV	37.05	34-36	42-43	32	8.5	-5.3%	-55.3%	Theo dõi chờ giải ngân
POW	13.50	13.5-13.9	16.5-17	13	18.5	5.1%	-26.0%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	27.50	25-26.5	29-30	24	4.9	-32.9%	-84.9%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	36.25	26.4	34-36	34	37.31%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	24.50	18	24-26	23.5	36.11%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	48.60	40	52-54	47	21.50%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	33.90	25.1	33-34	32	35.06%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	14.15	12.75	18-18.5	13.4	10.98%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	58.80	54.8	65-67	58	7.30%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	29.50	28.05	34-35	28.5	5.17%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	53.80	51	62-64	51	5.49%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ
Anh là quốc gia duy nhất trong G7 có lạm phát tiếp tục tăng

Báo cáo của OECD cho thấy lạm phát của G7 đã giảm xuống 4,6% trong tháng 5 so với cùng kỳ năm trước, giảm từ mức 5,4% trong tháng 4 và đạt mức thấp nhất kể từ tháng 9/2021. Tuy nhiên, OECD cho biết, chỉ số giá tiêu dùng của Anh trên tất cả các mặt hàng đã tăng lên 7,9% trong tháng 5 so với cùng kỳ năm trước, tăng nhẹ so với mức 7,8% trong tháng 4. Tháng trước, Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) đã tăng lãi suất thêm 50 điểm cơ bản lên 5%, đưa lãi suất cơ bản lên mức cao nhất kể từ năm 2008.

Gấp rút đầu tư phát triển logistics

Theo đề án đã được phê duyệt, TP HCM sẽ xây dựng 8 trung tâm logistics quy mô hơn 750 ha. Ngoài ra, các dự án có chức năng "tương tự trung tâm logistics" như kho lạnh ở KCN Vĩnh Lộc, kho thương mại điện tử ở Củ Chi... đang được các DN triển khai xây dựng; với kết nối hạ tầng giao thông đồng bộ, vốn, năng lực, kinh nghiệm xây dựng, quản lý, vận hành của nhà đầu tư...

Giá điện châu Âu lại xuống mức âm

Hiện tượng giá điện âm dần dần phổ biến hơn khi châu Âu đẩy mạnh xây dựng các trang trại năng lượng mặt trời để giảm nhu cầu nhiên liệu hóa thạch. Giá điện trong ngày tại Đức - thị trường điện lớn nhất châu Âu - chuyển sang âm trong khoảng thời gian 13h-15h trong ngày 04/07, theo dữ liệu từ Epex Spot SE.

Còn hơn 700.000 tỷ đồng vốn đầu tư công cần giải ngân đến cuối năm

Tại họp báo Chính phủ thường kỳ ngày 4/7, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương cho biết tốc độ giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 30/6 đã có bước cải thiện đáng kể, ước đạt 215.579 tỷ đồng, bằng 30,49% kế hoạch được Thủ tướng giao từ đầu năm và cao hơn mức cùng kỳ năm 2022 (27,75%).

TIN DOANH NGHIỆP

BNP Global chậm trả gần 2,700 tỷ đồng trái phiếu, trái chủ đòi bán tài sản đảm bảo gần 59 triệu cp SGB

CTCP BNP Global vừa báo cáo lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà nội (HNX) về tình hình thanh toán gốc và lãi cho hai lô trái phiếu phát hành tháng 6/2021 và đã đáo hạn vào đầu tháng 6 vừa qua. Theo báo cáo, BNP Global chưa thanh toán gốc, lãi cả hai lô trái phiếu BNPCH2123001 và BNPCH2123002 với tổng giá trị hơn 2,696 tỷ đồng. Thời gian thanh toán dự kiến đang được Công ty thương thảo.

SeABank trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn điều lệ lên 24,537 tỷ đồng

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank, HOSE: SSB) phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng) với tổng tỷ lệ 20.3% để tăng vốn điều lệ từ gần 20,403 tỷ đồng lên 24,537 tỷ đồng. Kế hoạch này nằm trong lộ trình tăng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2023 của SeABank và Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

Viettel Post (VTP) chi 130 tỷ đồng tiền mặt để chi trả cổ tức năm 2022

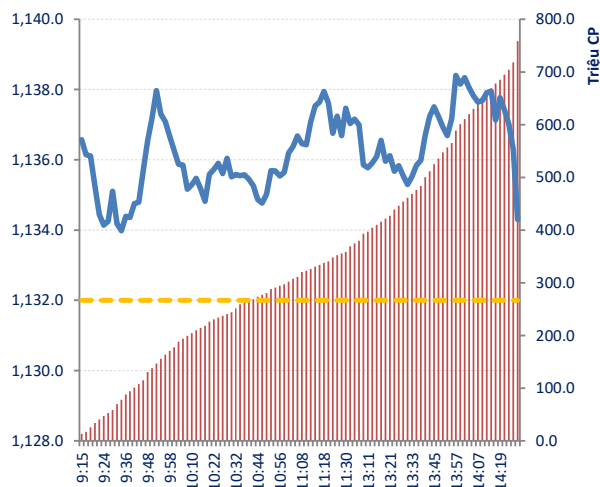
Ngày 4/7, HĐQT Tổng công ty cổ phần Bưu chính Viettel - Viettel Post (VTP - UPCoM) thông qua Nghị quyết về phương án chi trả cổ tức năm 2022. Cụ thể, Viettel Post sẽ chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 11,5%/cổ phần và 7,61% bằng cổ phiếu. Tổng tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022 là 19,11%. Về việc chi trả cổ tức với tỷ lệ 11,5% bằng tiền mặt, Viettel Post cần chi hơn 130 tỷ đồng cho đợt trả cổ tức này. Thời gian thanh toán dự kiến trong quý III/2023.

DATC báo lãi sau thuế 2022 tăng 45%, đạt hơn 260 tỷ đồng

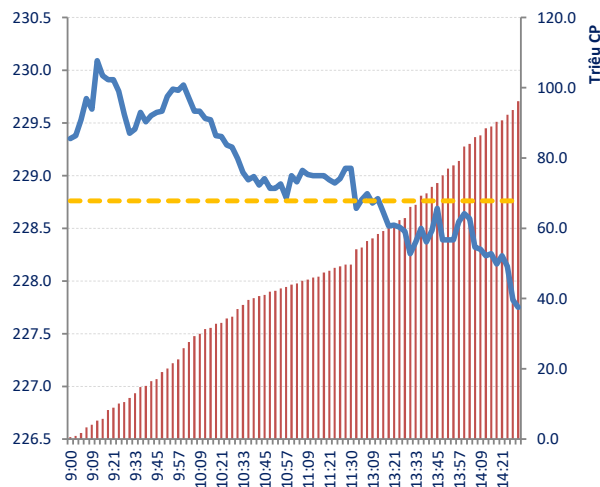
Năm 2022, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) thu về hơn 260 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 45% so với năm trước. Bên cạnh đó DATC còn duy trì vốn đầu tư tại 20 doanh nghiệp với tổng giá trị đầu tư hơn 604 tỷ đồng và trích lập dự phòng 54% cho khoản đầu tư này.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

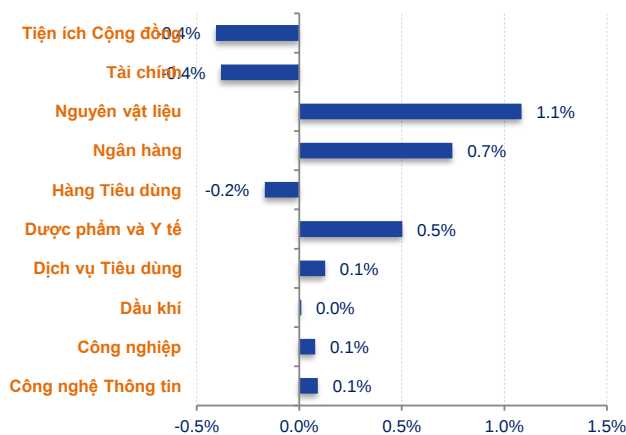
KLGD và VN-Index trong phiên



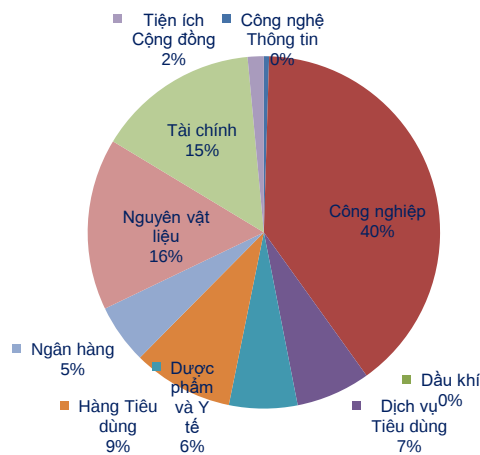
KLGD và HNX-Index trong phiên



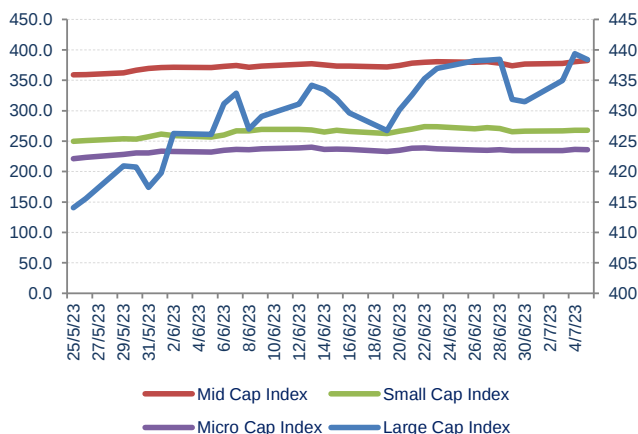
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



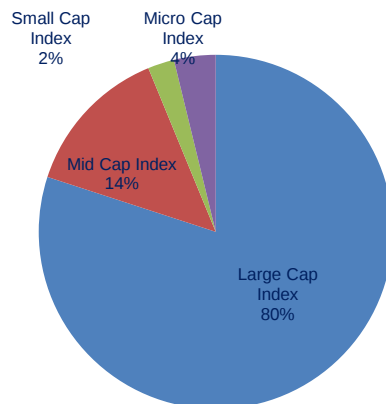
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	4,508,500	VPB	2,112,300
2	GEX	1,649,200	FUEVFNVD	2,051,200
3	TCM	1,377,728	E1VFN30	1,458,100
4	VRE	754,800	TPB	790,100
5	DGC	746,000	KBC	728,600

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TNG	54,120	PVS	61,500
2	IDJ	33,930	NVB	50,000
3	APS	33,160	BVS	40,000
4	API	22,900	PVG	22,000
5	VCS	13,600	PGS	21,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	26.25	26.95	↑ 2.67%	33,534,000
NVL	14.85	14.70	↓ -1.01%	24,047,400
VPB	19.85	19.95	↑ 0.50%	22,255,400
VIX	11.50	11.50	→ 0.00%	21,827,900
GEX	19.70	19.10	↓ -3.05%	20,823,900

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	13.70	13.60	↓ -0.73%	16,905,222
IDJ	7.50	6.80	↓ -9.33%	8,876,978
MBS	18.90	19.40	↑ 2.65%	7,483,066
HUT	19.50	19.60	↑ 0.51%	7,322,200
APS	8.40	7.60	↓ -9.52%	6,217,129

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SSC	28.30	30.25	1.95	↑ 6.89%
STK	26.30	28.10	1.80	↑ 6.84%
LAF	14.95	15.90	0.95	↑ 6.35%
BFC	18.00	18.95	0.95	↑ 5.28%
NO1	7.46	7.85	0.39	↑ 5.23%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDG	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
CKV	13.10	14.40	1.30	↑ 9.92%
VHL	17.50	19.20	1.70	↑ 9.71%
DNC	39.50	43.30	3.80	↑ 9.62%
BST	17.30	18.90	1.60	↑ 9.25%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVC	45.00	41.85	-3.15	↓ -7.00%
ABR	13.25	12.35	-0.90	↓ -6.79%
TTB	2.08	1.94	-0.14	↓ -6.73%
SFC	19.15	18.00	-1.15	↓ -6.01%
TDH	5.30	5.01	-0.29	↓ -5.47%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNT	60.00	54.00	-6.00	↓ -10.00%
SIC	33.00	29.70	-3.30	↓ -10.00%
SDU	29.00	26.10	-2.90	↓ -10.00%
HJS	35.20	31.70	-3.50	↓ -9.94%
PHN	42.90	38.70	-4.20	↓ -9.79%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	33,534,000	0.7%	114	229.9	1.6
NVL	24,047,400	1.8%	414	35.8	0.7
VPB	22,255,400	11.8%	1,796	11.0	1.3
VIX	21,827,900	0.7%	81	142.3	1.0
GEX	20,823,900	0.1%	23	869.0	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	16,905,222	2.1%	224	61.1	1.2
IDJ	8,876,978	8.0%	901	8.3	0.7
MBS	7,483,066	10.5%	1,241	15.2	1.6
HUT	7,322,200	1.3%	146	133.6	1.8
APS	6,217,129	-44.5%	(5,589)	-	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SSC	↑ 6.9%	12.5%	3,498	8.1	1.0
STK	↑ 6.8%	11.3%	2,145	12.3	1.4
LAF	↑ 6.4%	13.3%	1,635	9.1	1.2
BFC	↑ 5.3%	4.1%	957	18.8	0.8
NO1	↑ 5.2%	11.7%	1,446	5.2	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDG	↑ 10.0%	3.7%	1,723	8.7	0.3
CKV	↑ 9.9%	2.9%	567	23.1	0.6
VHL	↑ 9.7%	-5.5%	(1,334)	-	0.7
DNC	↑ 9.6%	32.5%	4,633	8.5	2.9
BST	↑ 9.2%	14.3%	1,876	9.2	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	4,508,500	0.7%	114	229.9	1.6
GEX	1,649,200	0.1%	23	869.0	0.8
TCM	1,377,728	13.5%	3,175	17.8	2.3
VRE	754,800	10.2%	1,488	18.3	1.8
DGC	746,000	47.4%	13,357	4.9	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TNG	54,120	17.8%	2,666	7.2	1.3
IDJ	33,930	8.0%	901	8.3	0.7
APS	33,160	-44.5%	(5,589)	-	0.7
API	22,900	8.2%	921	8.1	0.6
VCS	13,600	19.3%	6,049	10.0	1.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	473,252	23.2%	6,533	15.3	3.3
VHM	246,022	24.9%	8,269	6.8	1.5
BID	222,575	19.7%	3,972	11.1	2.0
VIC	195,655	5.1%	1,800	28.5	1.4
GAS	182,017	24.1%	7,689	12.4	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,538	5.6%	1,498	23.1	1.3
IDC	14,289	34.3%	6,675	6.5	2.3
THD	13,895	4.0%	672	59.0	2.3
KSF	12,180	4.9%	1,094	37.1	1.8
BAB	11,751	9.6%	1,139	12.4	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

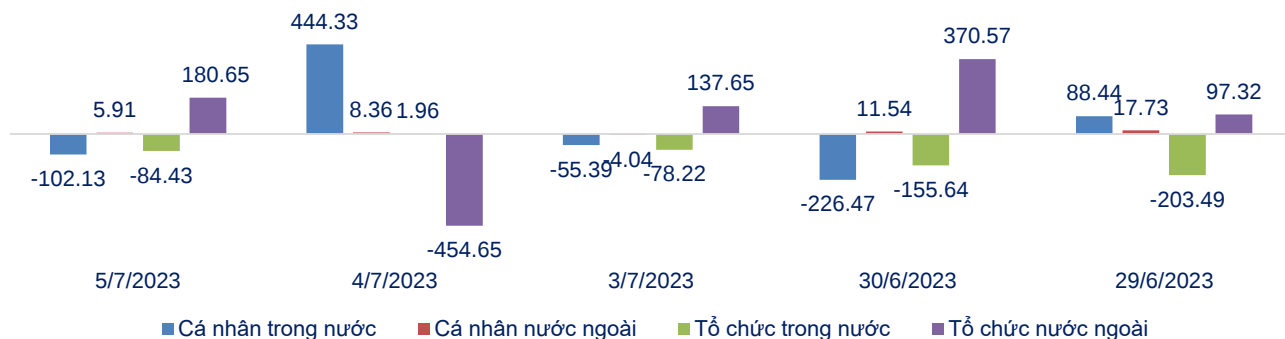
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.28	0.3%	49	174.2	0.5
DRH	3.40	-0.4%	(48)	-	0.5
TTB	3.17	0.3%	27	77.2	0.2
LDG	2.58	-2.1%	(267)	-	0.4
EVG	2.57	0.9%	113	56.3	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
API	3.84	8.2%	921	8.1	0.6
FID	3.54	0.0%	1	3,904.9	0.3
KSQ	3.22	-20.9%	(2,031)	-	0.3
VC7	3.18	2.4%	262	70.5	1.7
APS	3.15	-44.5%	(5,589)	-	0.7

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	88.00	20.8%	3,174	5.8	1.1
VCB	83.19	23.2%	6,533	15.3	3.3
FPT	71.13	22.2%	5,057	17.2	3.5
VNM	66.41	23.5%	3,881	18.2	4.3
PNJ	48.72	21.5%	5,368	13.8	2.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-88.30	0.7%	114	229.9	1.6
GEX	-85.48	0.1%	23	869.0	0.8
TCM	-83.17	13.5%	3,175	17.8	2.3
DGC	-67.54	47.4%	13,357	4.9	2.2
VGC	-37.52	13.6%	2,761	15.9	2.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
AST	4.68	15.7%	1,561	37.8	5.4
PC1	3.62	4.9%	1,226	21.7	1.0
GVR	3.22	6.1%	828	24.5	1.5
VNM	2.12	23.5%	3,881	18.2	4.3
VIC	1.89	5.1%	1,800	28.5	1.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	-2.66	5.2%	729	18.4	0.9
DBC	-2.43	-3.8%	(741)	-	1.3
FRT	-2.41	11.2%	1,620	44.9	4.8
PVT	-1.89	11.1%	2,677	8.8	0.9
STB	-1.54	14.9%	3,006	9.9	1.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFN30	71.08	N/A	N/A	N/A	N/A
GEX	53.10	0.1%	23	869.0	0.8
HSG	36.93	-9.7%	(1,710)	-	1.0
VGC	36.59	13.6%	2,761	15.9	2.1
E1VFN30	35.51	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-75.87	20.8%	3,174	5.8	1.1
FPT	-70.96	22.2%	5,057	17.2	3.5
VNM	-62.16	23.5%	3,881	18.2	4.3
MBB	-40.55	23.1%	3,961	5.1	1.1
TCB	-38.60	17.2%	5,446	5.9	1.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	120.24	0.7%	114	229.9	1.6
TCM	83.23	13.5%	3,175	17.8	2.3
DGC	49.01	47.4%	13,357	4.9	2.2
GEX	32.76	0.1%	23	869.0	0.8
CTG	22.09	15.9%	3,548	8.3	1.3

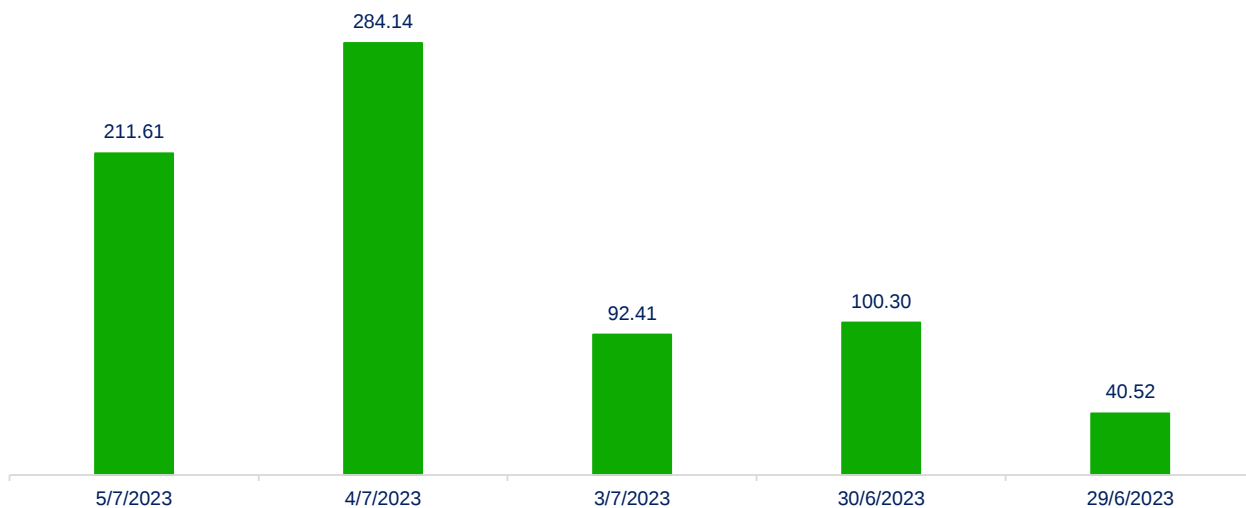
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	-53.62	23.2%	6,533	15.3	3.3
FUEVFN30	-49.41	N/A	N/A	N/A	N/A
PNJ	-45.73	21.5%	5,368	13.8	2.6
VPB	-42.88	11.8%	1,796	11.0	1.3
E1VFN30	-28.39	N/A	N/A	N/A	N/A

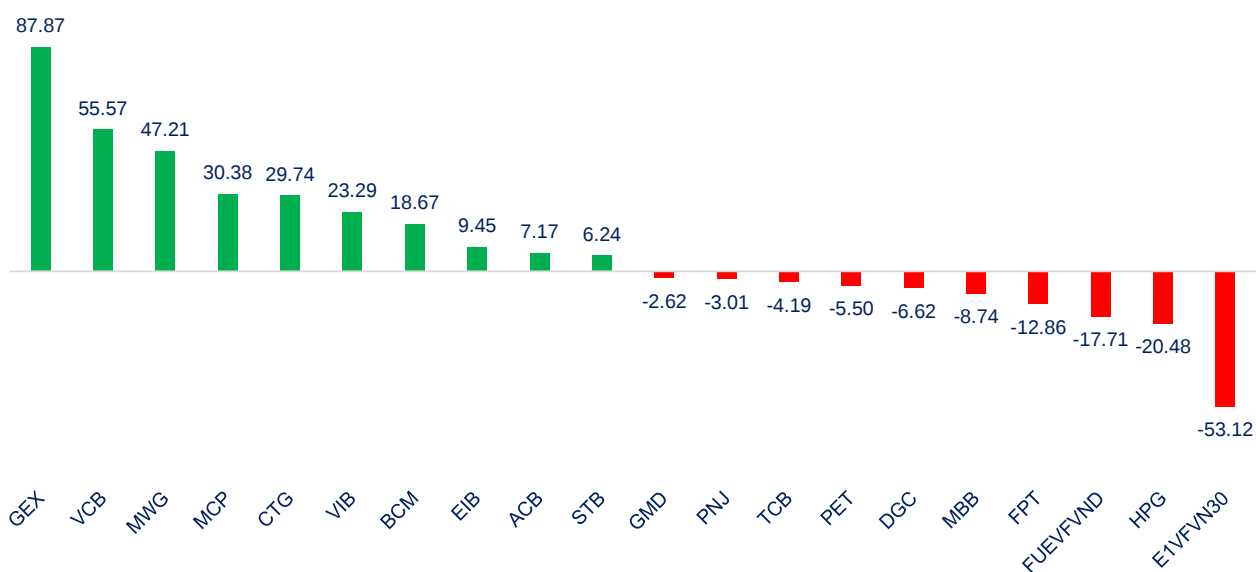


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn